

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08/7/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Trúc Thuỷ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan

Ông Trần Văn Chánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huệ, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 312/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 252/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Ngọc M, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 444/12 Cách mạng tháng 8, phường V, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Trịnh Minh T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 64/16C, khu phố 2, phường H, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

(Bà M, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ngô Thị Ngọc M trình bày :**

Bà và ông Trịnh Minh T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố H, tỉnh Đồng Nai ngày 01/7/2010. Đến năm 2012, cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không

còn tôn trọng lẫn nhau. Bà và ông T đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Bà và ông T đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Thu.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông T có 01 con chung gồm: cháu Trịnh Ngô Thanh P, sinh ngày 02/11/2012. Ly hôn, bà xin dành quyền nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về sản sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà xin Tòa án xét xử vắng mặt vì đang ở xa và bận công việc.

**** Bị đơn ông Trịnh Minh T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông T không có ý kiến, không đến Tòa án để tham gia tố tụng.***

**** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*** Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai nên bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ngô Thị Ngọc M.

Về con chung: Giao cháu Trịnh Ngô Thanh P, sinh ngày 02/11/2012 cho bà M nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; chưa lấy được ý kiến của ông T nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Ngô Thị Ngọc M xin ly hôn với ông Trịnh Minh T. Ông T là bị đơn có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T không đến Toà án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên toà xét xử mà không có lý do; Nguyên đơn bà M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà M, ông T.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Ngọc M:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã được UBND phường H, thành phố H, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 66/KH ngày 01/7/2010 nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

Theo trình bày của bà M thì quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xung đột dẫn đến vợ chồng không còn tôn trọng lẫn nhau. Bà M và ông T đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nên bà M và ông T đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M xin được ly hôn với ông T.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T vẫn không có ý kiến chứng tỏ ông T bỏ mặc, không mong muốn bảo vệ và duy trì hôn nhân với bà M. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 17/3/2021, chính quyền địa phương cung cấp thông tin bà M, ông T đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay.

Xét thấy, tình trạng ly thân của vợ chồng bà M, ông T đã kéo dài, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Ông T không có thiện chí hoặc biện pháp để hàn gắn gia đình, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, nay bà M xin ly hôn với ông T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Bà Mai và ông Thu có 01 con chung cháu Trịnh Ngô Thanh P, sinh ngày 02/11/2012. Ly hôn, bà M yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu P. Xét thấy, hiện tại bà P là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục cháu P. Thời gian qua, bà M đã chăm sóc nuôi dưỡng con tốt. Cháu P đã trên 07 tuổi, qua tham khảo ý kiến, cháu có nguyện vọng được sống với bà M. Để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu, nên chấp nhận yêu cầu của bà M, giao cháu P cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Do bà Mai không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời ông T không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T được quyền thăm nom con không ai cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Bà M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T chưa có ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T chưa có ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Ngô Thị Ngọc M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà phù hợp với chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ngô Thị Ngọc Mai. Bà Ngô Thị Ngọc M được ly hôn ông Trịnh Minh T.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Ngô Thanh P, sinh ngày 02/11/2012 cho bà Ngô Thị Ngọc M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm thời ông Trịnh Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Ngô Thị Ngọc M phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp

300.000 đồng theo biên lai số 0000092 ngày 01/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

5. Bà Ngô Thị Ngọc M, ông Trịnh Minh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Biên hòa;
- THADS thành phố Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Trần Trúc Thuỷ

